SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CÁC CHỈ SỐ NGÀNH VNALLSHARE

Kỳ tháng 10/2026

VNAllshare Năng lượng				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	ASP	CTCP Tập đoàn Dầu Khí An Pha	37,339,542	40%
2	BSR	CTCP – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam	5,007,299,686	8%
3	CNG	CTCP CNG Việt Nam	35,099,298	30%
4	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	74,268,420	30%
5	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP	60,339,285	30%
6	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,293,878,081	11%
7	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	927,742,191	50%
8	PVP	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	103,702,452	35%
9	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	516,918,938	50%
10	TDG	CTCP Đầu tư TDG GLOBAL	24,211,190	80%

VNAllshare Nguyên vật liệu				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	393,742,730	50%
2	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	104,999,993	25%
3	ACG	CTCP Gỗ An Cường	150,787,946	11%
4	ADP	CTCP Sơn Á Đông	23,039,850	35%
5	APH	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	243,884,268	65%
6	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57,167,993	30%
7	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12,392,630	60%
8	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam	106,699,924	50%
9	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	110,499,910	35%
10	CTI	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico	69,299,861	90%
11	DCM	CTCP – Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	529,400,000	25%
12	DHA	CTCP Hóa An	14,721,073	40%
13	DHC	CTCP Đông Hải Bến Tre	106,249,620	50%
14	DHM	CTCP Đầu tư và Thương mại DHM	34,535,699	30%
15	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	679,925,021	40%
16	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	86,885,932	45%
17	DXV	CTCP Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	9,900,000	25%
18	FCM	CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam	46,226,626	50%
19	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	4,000,000,000	4%
20	HAP	CTCP Tập đoàn Hapaco	110,942,302	20%
21	HHP	CTCP HHP GLOBAL	92,179,685	65%
22	HII	CTCP An Tiến Industries	73,663,016	45%
23	HMC	CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL	27,299,999	30%
24	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%
25	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình	30,206,622	11%
26	HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	807,262,704	60%
27	HT1	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	381,589,911	25%
28	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	114,443,703	75%
29	LBM	CTCP Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	50,000,000	25%
30	MCP	CTCP In và Bao Bì Mỹ Châu	19,868,149	15%
31	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	112,964,000	25%
32	NKG	CTCP Thép Nam Kim	492,323,961	70%
33	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ	21,920,000	25%
34	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	243,897,799	35%
35	TDP	CTCP Thuận Đức	103,069,382	35%
36	THG	CTCP Đầu tư và Xây Dựng Tiền Giang	35,176,307	60%
37	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	81,628,423	50%
38	TLH	CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên	112,320,017	65%
39	TNT	CTCP Tập đoàn TNT	51,000,000	50%
40	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	12,816,956	25%
41	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh	120,000,000	30%
42	VCA	CTCP Thép VICASA	15,187,322	30%
43	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam	41,712,614	40%
44	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	24,460,792	25%
45	YBM	CTCP YBM	32,174,525	20%

VNAllshare Công nghiệp				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	41,999,846	50%
2	BKG	CTCP Đầu tư BKG Việt Nam	71,609,020	70%
3	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81,860,938	35%
4	BRC	CTCP Cao Su Bến Thành	12,374,997	13%
5	C32	CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2	30,058,290	30%
6	C47	CTCP Xây Dựng 47	36,342,269	50%
7	CCC	CTCP Xây dựng CDC	41,054,987	20%
8	CDC	CTCP Chương Dương	105,545,322	50%
9	CII	CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	671,985,291	95%
10	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	34,000,000	45%
11	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	111,823,220	55%
12	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	128,109,533	35%
13	DC4	CTCP DICERA HOLDINGS	110,028,467	45%
14	DIG	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây Dựng	844,192,763	100%
15	DLG	CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	299,309,720	70%
16	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	118,587,096	55%
17	DVP	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	40,000,000	25%
18	EVG	CTCP Tập đoàn Everland	226,011,737	55%
19	FCN	CTCP Tập đoàn Fecon	157,439,005	65%
20	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%
21	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%
22	GMD	CTCP Gemadept	649,337,392	95%
23	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	191,840,401	45%
24	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	46,197,821	40%
25	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	406,957,333	50%
26	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	574,511,888	85%
27	HID	CTCP Halcom Việt Nam	76,756,321	60%
28	HTI	CTCP Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Idico	24,949,200	40%
29	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	133,674,437	45%
30	HTV	CTCP Logistics Vicem	13,104,000	20%
31	HU1	CTCP Đầu tư và Xây Dựng HUD1	25,000,000	20%
32	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	31,754,597	40%
33	HVH	CTCP Đầu tư và công nghệ HVC	71,742,434	35%
34	IJC	CTCP Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật	629,580,640	50%
35	ILB	CTCP ICD Tân Cảng – Long Bình	38,199,492	35%
36	ITD	CTCP Công Nghệ ITD	30,883,052	55%
37	LCG	CTCP Lizen	206,602,129	95%
38	LGL	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Long Giang	51,497,100	50%
39	MDG	CTCP Miền Đông	10,324,781	20%
40	MHC	CTCP MHC	45,648,669	25%
41	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26,165,732	30%
42	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	71,266,847	60%
43	NO1	CTCP Tập đoàn 911	24,599,798	50%
44	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	411,285,343	45%
45	PDV	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	79,314,926	25%
46	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	154,743,759	65%
47	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings	50,681,927	85%
48	PIT	CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex	14,210,225	11%
49	PTC	CTCP Đầu tư Icapital	32,191,624	35%
50	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	23,547,419	30%
51	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	623,399,036	35%

52	RYG	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	52,649,967	50%
53	SAM	CTCP SAM Holdings	402,753,343	80%
54	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	59,999,917	40%
55	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	95,907,682	45%
56	SFI	CTCP Đại Lý Vận Tải Safi	24,647,034	20%
57	SGN	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	33,498,591	20%
58	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	35,118,632	40%
59	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	169,949,549	55%
60	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang	66,497,697	55%
61	ST8	CTCP Tập đoàn ST8	25,720,902	100%
62	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,003,312,808	60%
63	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	30,158,436	45%
64	TCO	CTCP JANUS GROUP	57,320,622	35%
65	TIP	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa	65,007,857	30%
66	TLG	CTCP Tập đoàn Thiên Long	96,528,340	40%
67	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52,500,000	85%
68	TSC	CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	196,858,925	60%
69	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	67,526,165	45%
70	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	698,176,245	55%
71	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	448,350,000	12%
72	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	68,470,941	50%
73	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	50%
74	VNL	CTCP Logistics Vinalink	14,808,787	85%
75	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67,859,192	11%
76	VOS	CTCP Vận tải biển Việt Nam	140,000,000	50%
77	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50,000,000	30%
78	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%
79	VSI	CTCP Đầu tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13,199,997	25%
80	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	79,866,666	45%
81	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	201,885,171	40%

VNAllshare Hàng tiêu dùng				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	ADS	CTCP DAMSAN	76,394,727	50%
2	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	53,999,929	20%
3	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103,625,262	35%
4	CTF	CTCP City Auto	95,653,859	45%
5	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	84,200,000	65%
6	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	154,429,283	50%
7	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen	12,083,009	55%
8	EVE	CTCP Everpia	41,979,773	45%
9	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	178,815,054	55%
10	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	27,053,011	55%
11	GIL	CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	101,596,218	80%
12	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh	107,439,681	55%
13	HHS	CTCP Đầu tư Dịch Vụ Hoàng Huy	431,985,968	40%
14	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	43,202,392	35%
15	KMR	CTCP MIRAE	56,877,807	35%
16	MSH	CTCP May Sông Hồng	112,521,020	40%
17	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	1,475,694,086	75%
18	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	24,003,698	30%
19	PAC	CTCP Pin Ắc Quy Miền Nam	76,677,626	35%
20	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	511,721,959	80%
21	PTB	CTCP Phú Tài	100,407,074	55%
22	SAV	CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	27,334,710	40%
23	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng	36,481,727	14%
24	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	154,135,020	30%
25	SVD	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	27,605,908	35%
26	SVT	CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	17,310,978	30%
27	TCM	CTCP Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công	117,638,627	45%
28	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	12,788,000	20%
29	TMT	CTCP Ô tô TMT	36,877,980	20%
30	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	14%
31	VTB	CTCP Viettronics Tân Bình	10,804,520	45%
32	VVS	CTCP Đầu tư Phát triển máy Việt Nam	43,050,000	35%

VNAllshare Hàng tiêu dùng thiết yếu				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	AAM	CTCP Thủy Sản Mekong	10,451,182	35%
2	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	11,777,257	20%
3	ACL	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang	50,159,019	25%
4	AFX	CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	35,000,000	40%
5	ANV	CTCP Nam Việt	266,255,750	30%
6	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	405,361,006	70%
7	CMX	CTCP Camimex Group	101,898,990	40%
8	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	431,046,499	70%
9	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	65,388,889	20%
10	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	55%
11	HSL	CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	38,567,363	75%
12	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	273,172,668	45%
13	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	276,345,300	50%
14	LAF	CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	15,228,019	15%
15	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	64,800,000	35%
16	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	90,026,592	40%
17	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	1,307,404,949	20%
18	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	110,000,000	35%
19	MSN	CTCP Tập đoàn Masan	1,460,374,611	60%
20	NAF	CTCP Nafoods Group	61,181,992	55%
21	PAN	CTCP Tập đoàn PAN	250,673,166	45%
22	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%
23	SBT	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa	934,634,155	45%
24	SMB	CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung	29,846,648	35%
25	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	209,453,159	40%
26	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%

VNAllshare Chăm sóc sức khỏe				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	DBD	CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định	94,489,262	70%
2	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	21,967,262	30%
3	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	73,041,030	40%
4	JVC	CTCP Đầu tư Y tế – Dược Phẩm Việt Nam	112,500,171	65%
5	TNH	CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH	165,726,943	50%

VNAllshare Tài chính				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%
2	AGR	CTCP Chứng khoán Agribank	242,010,482	30%
3	APG	CTCP Chứng khoán APG	223,621,942	75%
4	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	202,067,057	15%
5	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7,778,229,473	6%
6	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	150,547,626	30%
7	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	269,901,549	14%
8	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%
9	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%
10	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK	272,244,939	25%
11	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	278,362,761	15%
12	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	428,249,806	25%
13	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,862,720,607	80%
14	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%
15	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	339,933,034	70%
16	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	380,915,795	40%
17	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,371,945,838	55%
18	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	6,506,859,219	80%
19	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	85%
20	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,068,749,885	50%
21	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội	211,503,463	25%
22	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,744,000,000	65%
23	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	2,058,822,282	85%
24	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,062,510,126	35%
25	OGC	CTCP Tập đoàn Đại Dương	299,999,999	45%
26	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	623,930,904	50%
27	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	5,053,074,221	75%
28	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3,428,800,000	55%
29	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	3,001,302,333	70%
30	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	1,885,215,716	95%
31	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10,629,360,621	55%
32	TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công	115,620,964	30%
33	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	3,329,339,823	15%
34	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3,190,134,896	50%
35	TVB	CTCP Chứng khoán T-Cap	109,121,519	20%
36	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	244,643,477	45%
37	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	902,075,041	85%
38	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%
39	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,152,231,925	75%
40	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%
41	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	299,200,000	40%
42	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,735,386,252	60%
43	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,572,788,533	100%
44	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%
45	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	10,000,000,000	55%
46	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%

VNAllshare Công nghệ thông tin				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	232,891,908	35%
2	DGW	CTCP Thế Giới Số	223,361,000	50%
3	ELC	CTCP Công nghệ – Viễn thông ELCOM	117,748,108	65%
4	FPT	CTCP FPT	1,885,727,648	85%
5	ICT	CTCP Viễn thông – Tin học Bưu điện	32,185,000	45%

VNAllshare Dịch vụ tiện ích				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60,485,600	20%
2	BWE	CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	251,347,021	25%
3	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	157,658,076	30%
4	DRL	CTCP Thủy Điện – Điện Lực 3	9,500,000	70%
5	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	2,412,949,756	5%
6	GEG	CTCP Điện Gia Lai	376,220,525	30%
7	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	62,186,518	50%
8	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287,876,029	30%
9	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	46,336,278	20%
10	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	3,067,845,688	20%
11	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320,613,054	30%
12	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68,998,620	50%
13	TTA	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	178,559,087	35%
14	UIC	CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Idico	8,300,000	30%

VNAllshare Bất động sản				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	AGG	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	181,379,982	55%
2	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	407,194,183	45%
3	CCL	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	65,538,283	80%
4	CIG	CTCP COMA18	51,039,947	40%
5	CKG	CTCP Tập đoàn CIC	161,807,526	80%
6	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	463,678,426	40%
7	D2D	CTCP Phát triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	30,259,742	45%
8	DTA	CTCP Đệ Tam	19,504,499	55%
9	DXG	CTCP Bluemarq Group	1,268,104,965	75%
10	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	579,103,124	40%
11	FIR	CTCP Địa ốc First Real	70,669,620	65%
12	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	95,684,090	75%
13	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	229,712,443	85%
14	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát	304,168,581	80%
15	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	626,599,274	80%
16	ITC	CTCP Đầu tư Kinh Doanh Nhà	101,689,853	45%
17	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP	941,754,759	65%
18	KDH	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	1,234,436,388	60%
19	KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	449,435,205	55%
20	KOS	CTCP KOSY	216,481,335	40%
21	LHG	CTCP Long Hậu	50,012,010	50%
22	NBB	CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy	100,475,656	20%
23	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%
24	NTC	CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	23,999,980	30%
25	NTL	CTCP Phát triển Đô Thị Từ Liêm	121,979,900	60%
26	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	3,202,757,296	70%
27	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	997,809,379	60%
28	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275,129,141	40%
29	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	430,595,036	65%
30	SGR	Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn	83,849,853	50%
31	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	242,112,943	45%
32	SJS	CTCP SJ Group	297,474,828	80%
33	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	179,985,863	40%
34	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành	48,198,884	20%
35	TAL	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco	503,999,708	40%
36	TDC	CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	127,228,000	40%
37	TDH	CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức	112,652,767	55%
38	TEG	CTCP Trường Thành Energy Group	120,806,562	40%
39	TN1	CTCP ROX Key Holdings	66,104,928	30%
40	VHM	CTCP Vinhomes	8,214,824,008	30%
41	VIC	Tập đoàn Vingroup – CTCP	7,762,186,429	35%
42	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng	95,357,800	45%
43	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	352,054,374	40%
44	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%

Ngành mới chưa có chỉ số				
STT	**Mã cổ phiếu**	**Tên Công ty**	**Khối lượng lưu hành tính chỉ số**	**Tỷ lệ free-float làm tròn (%)**
1	ADG	CTCP Clever Group	21,380,521	30%
2	SGT	CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	148,003,208	25%
3	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	205,226,448	70%